

Bản án số: 172/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29-5-2025

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hải

2. Bà Đỗ Mỹ Lil

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương- Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1999 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phạm Hải Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2025 và đơn xin vắng mặt ngày 15/5/2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Hải Đ sống chung với nhau vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 03/7/2018). Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng lúc đầu sống hạnh phúc, thời gian về sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chị và anh Đ đã sống ly thân hơn 09 tháng nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

-Về con chung: Có 01 người con tên Phạm Hải Y, sinh ngày 20/10/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ: Chị xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Hải Đ: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Phạm Hải Đ vẫn vắng mặt không lý do; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Phạm Hải Đ có nơi cư trú tại khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Phạm Hải Đ, tranh chấp nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị H là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị H là nguyên đơn, anh Đ là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị H có đơn xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt. Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Phạm Hải Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị H và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống không hòa hợp, không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh và chị đã sống ly thân hơn 09 tháng nay. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh Đ có 01 người con chung tên Phạm Hải Y, sinh ngày 20/10/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con. Xét, con chung tên Phạm Hải Y. Hiện nay đang sống cùng với gia đình anh Đ, từ khi chị và anh Đ sống ly thân đến nay cháu sống cùng với ông bà nội, anh Đ đã bỏ đi làm ăn ít có về gia đình. Tại biên bản ghi ý kiến cháu Y có sự tham gia của bà Thái Thị T là bà nội của cháu vào ngày 06/5/2025, cháu Y có ước nguyện được sống với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Phạm Hải Y cho chị Nguyễn Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Hải Đ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng: Chị H không đặt ra giải quyết, anh Đ không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H xác định không có nên HĐXX không đặt ra xem xét. Sau này có phát tranh chấp được giải quyết ở vụ án khác

[6] Về nợ chung: Chị H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H về việc ly hôn với anh Phạm Hải Đ.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Hải Y, sinh ngày 20/10/2017 (Giới tính: Nữ) cho chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Hải Đ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp số tiền 300.000 đồng; Ngày 21/4/2025 chị H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005510 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã đăng ký việc kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công